

Bản án số: 12 /2017/HNGĐ-PT
Ngày 04/8/2017
*"V/v ly hôn, tranh chấp chia tài
sản khi ly hôn"*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử Phúc thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Nguyễn Mạnh Cường.

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Huy Hiểu và bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Nhung- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Bà Đàm Thị Hạnh –
Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 04 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 11/2017/HNGĐ-PT ngày 27 tháng 6 năm 2017 về việc *" ly hôn, tranh chấp chia tài sản khi ly hôn"*. Do bản án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm số 09/2017/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Toà án nhân dân huyện Gia Lộc bị kháng cáo, kháng nghị. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2017/QĐ-PT ngày 14/7/2017, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Bà Mai Thị S, sinh năm 1954. Có mặt

2. *Bị đơn:* Ông Đinh Công Đ; sinh năm 1956. Có mặt

Đều trú quán tại: thôn A, xã L, huyện G, tỉnh Hải Dương.

(Các đương sự khác và nhân chứng không triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm số 09/2017/HNGĐ-ST ngày 28/4/2017 của Tòa án nhân dân (viết tắt : TAND) huyện Gia Lộc, nội dung vụ án tóm tắt như sau:

Năm 1977, bà Mai Thị S và ông Đinh Công Đ tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L (giấy đăng ký kết hôn bị mất). Sau ngày cưới vợ chồng sống hạnh phúc và có 05 con chung (một con đã chết) đều đã trưởng thành nên ông bà không yêu cầu giải quyết.

Theo bà S: Đến năm 2003 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, trong cuộc sống ông Đ là người độc đoán và không tin tưởng bà về kinh tế; còn nghi ngờ bà lấy trộm tiền của ông. Và do ông bà không có con trai nên ông Đ có

quan hệ với những người phụ nữ khác gây mất lòng tin với nhau, dẫn đến mâu thuẫn và có lần ông đã đánh bà gây thương tích. Do mâu thuẫn kéo dài, vợ chồng không còn tình cảm, ngày 23/11/2015 bà đã bỏ về quê ngoại; sau đó, ông Đ có tìm nhưng bà không về; bà xác định vợ chồng không còn tình cảm nên xin ly hôn ông Đ.

Theo ông Đ: Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến ngày 21/11/2015 thì phát sinh mâu thuẫn: Do, hôm đó bà S bán 04 bao cám, ông có hỏi bán được bao nhiêu tiền, có cho ai nợ không để ông ghi vào sổ, bà S quay ra chửi ông nên vợ chồng đã xảy ra xô xát, bà S bị trượt chân ngã chảy máu ở đầu dẫn đến các con có sự hiểu lầm. Khi bà S bỏ nhà đi, ông đã gọi điện khuyên giải để bà về nhưng bà không nghe điện. Có lần bà S đi trông cháu ở Hà Nội ông lên tìm nhưng bà S cũng không về. Giữa ông bà tuy có mâu thuẫn nhưng chưa đến mức độ trầm trọng nên không nhất trí ly hôn theo yêu cầu của bà S.

* Về tài sản chung vợ chồng:

Theo bà S: Ông bà có 176m² đất ở tại thửa 224, tờ bản đồ số 2; địa chỉ: thôn A, xã L, huyện G, tỉnh Hải Dương. Trên đất có: Nhà mái bằng 2 tầng, công trình phụ khép kín, đồ dùng sinh hoạt và 01 bộ bàn ghế đi vắng và số tiền ông Đ bán đất còn 850.000.000 đồng, ông Đ đang quản lý. Bà đề nghị phân chia tài sản chung theo quy định của pháp luật.

Theo ông Đ: Xác nhận trình bày của bà S khai về nhà đất và bộ bàn ghế đi vắng là đúng. Năm 2013, ông bà bán một phần đất cho ông Đình Văn A được 550 triệu đồng, năm 2014 ông đã dùng tiền này trả nợ ông Đình Công T (anh trai) 400 triệu đồng ông vay để làm nhà, còn để lại 50 triệu và thêm 15 triệu do vợ chồng tích lũy được cho các con; còn lại 100 triệu đồng ông gửi tiết kiệm. Năm 2014, thông qua ông Nguyễn Văn V (môi giới) ở thôn Đ, xã H, huyện G ông mua hai mảnh đất ở khu Viên N, Hải Dương với giá 650 triệu đồng. Do không đủ tiền nên ông phải vay của hai người cháu họ là Đình Văn C 200 triệu và Đình Văn Z 300 triệu; rút tiền tiết kiệm tại quỹ tín dụng xã L 100 triệu đồng và vay thêm quỹ tín dụng xã L 45 triệu đồng. Tháng 3/2016 ông bán mảnh đất này cho một người (không nhớ tên tuổi, địa chỉ) với giá 900 triệu đồng. Ông đã dùng số tiền này trả nợ: Ông C 220 triệu (gốc 200 triệu, lãi 20 triệu); trả ông Z 336 triệu đồng cả gốc và lãi; trả quỹ tín dụng 45 triệu đồng tiền gốc và 5 triệu tiền lãi; trả người môi giới bán đất 6 triệu đồng; trả nợ mua cám của ông V 70 triệu đồng. Số tiền bán đất sau khi ông đã trả nợ còn lại 200 triệu đồng hiện ông đang gửi tiết kiệm tại quỹ tín dụng xã

L từ tháng 8/2016. Ông xác định số tiền ông vay, trả ông T, ông Z, ông C, ông V do ông tự quyết định, không bàn bạc với bà S nên bà S không biết. Do không nhất trí ly hôn nên ông không đồng ý chia tài sản chung vợ chồng; số tiền sau khi bán đất ông thanh toán hết các khoản nợ do ông vay nên vợ chồng không còn nợ ai và không ai nợ vợ chồng, vì vậy ông không đề nghị Tòa án giải quyết.

* *Người đại diện theo pháp luật của UBND xã L, ông Đoàn Duy X trình bày:* Diện tích đất 176m², số thửa 224, tờ bản đồ số 2; địa chỉ: thôn A, xã L, huyện G, tỉnh Hải Dương của ông Đ và bà S đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng. Khi thẩm định diện tích là 220m², tăng 44m² xác định là đất dôi dư thuộc hành lang giao thông. Đất dôi dư ông bà đã xây dựng công trình trên đất, đề nghị tạm giao để ông bà tiếp tục sử dụng; khi nào địa phương cần sẽ thu hồi và ông bà phải tự tháo dỡ công trình để trả lại đất cho tập thể.

Bản án số 09/2017/HNGĐ-ST ngày 28/4/2017, TAND huyện Gia Lộc đã áp dụng: Khoản 1 Điều 51; Điều 56, 59 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Mai Thị S ly hôn ông Đình Công Đ.

2. Về quan hệ tài sản chung: Xác nhận khối tài sản chung của vợ chồng bà S và ông Đ gồm: 176m² đất ở tại thửa đất số 224, tờ bản đồ số 2; địa chỉ: thôn A, xã L, huyện G, tỉnh Hải Dương trị giá 510.400.000 đồng; nhà mái bằng 2 tầng, công trình phụ khép kín trị giá 509.153.000đồng; 16,2m² gian nhà phụ trị giá 28.233.000đồng; 46,2m² gian lợp tôn trị giá 14.062.000đồng; 01 bộ bàn ghế đi văng trị giá 15.000.000đồng và số tiền bán đất ông Đ quản lý còn 844 triệu đồng. Tổng giá trị tài sản chung là 1.920.848.000đồng.

- Giao cho bà S quản lý sử dụng 75m² đất ở trị giá 217.500.000đ; bất động sản trên đất, gồm: Nhà xây 02 tầng và hệ thống công trình phụ khép kín trị giá 509.153.000đ; 02m² lán lợp tôn trị giá 608.745đ; 8,2m² diện tích nhà phụ phía trước trị giá 14.291.000đ; 01 bộ bàn ghế đi văng trị giá 15.000.000đ và khoản tiền 200.000.000đ do ông Đ gửi tiết kiệm tại Quỹ tín dụng xã L; tổng trị giá 956.552.745đ.

- Giao cho ông Đ được quản lý sử dụng 101m² đất ở còn lại trị giá 292.900.000đ; tài sản trên đất: 44,2m² lán tôn trị giá 13.453.255đ; 08m² diện tích nhà phụ phía trước trị giá 13.942.000đ; số tiền bán đất 644.000.000đ ông đang quản lý; tổng trị giá 964.295.255đ và không phải chia chênh lệch cho bà S.

Tài sản trên đất của ai người đó được quyền sở hữu. Bà S phải tự xây tường ngăn giữa hai phần đất (có sơ đồ phân chia kèm theo).

Tạm giao cho bà S quản lý sử dụng 13m² đất lấn chiếm thuộc đất hành lang giao thông. Tạm giao cho ông Đ quản lý sử dụng 31m² đất lấn chiếm (trong đó có 08m² đất hành lang giao thông và 23 m² đất giáp ao tập thể). Khi nào UBND xã L có nhu cầu lấy lại, ông bà S phải tự phá dỡ công trình xây dựng trên đất lấn chiếm của tập thể để trả lại đất cho UBND xã L.

3. Về án phí: Bà S phải chịu 200.000 đồng tiền án phí sơ thẩm ly hôn và 40.696.582 đồng án phí chia tài sản (được đối trừ tạm ứng án phí đã nộp); còn phải nộp tiếp 34.196.582 đồng. Ông Đ phải nộp 40.928.857 đồng.

Sau khi xét xử sơ thẩm: Ngày 09/5/2017 ông Đ kháng cáo cho rằng bản án sơ thẩm xác định tài sản vợ chồng không chính xác, chia tài sản không hợp lý. Đề nghị chia tài sản chung vợ chồng theo hướng tất cả chia đôi bằng hiện vật. Ngày 29/5/2017, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân (viết tắt: VKSND) tỉnh Hải Dương ban hành kháng nghị số 03/QĐKNPT- HNGĐ ngày 29/5/2017 đề nghị sửa bản án sơ thẩm về phần án phí theo hướng tuyên miễn nộp tiền án phí cho bà S, ông Đ vì ông bà thuộc diện được miễn án phí theo pháp luật.

Sau khi kháng cáo và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, ngày 17/5/2017 ông Đ, bà S đã thỏa thuận: Ông Đ được sở hữu, quản lý, sử dụng toàn bộ tài sản là nhà đất, công trình phụ cũng như khoản tiền tiết kiệm 200 triệu đồng; và ông có trách nhiệm trả bà S 800.000.000đ; cùng ngày bà S đã nhận đủ 800.000.000đ (Các bên đã lập thỏa thuận bằng văn bản, có sự chứng kiến của các con ông bà). Ngày 18/5/2017, ông Đ có đơn xin rút toàn bộ kháng cáo. Giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, ông Đ trình bày: Sau khi ông và bà S thỏa thuận chia tài sản, ông nghĩ như vậy là xong nên rút kháng cáo. Nếu việc ông rút kháng cáo mà quan hệ tài sản theo bản án sơ thẩm quyết định có hiệu lực thi hành thì ông không rút kháng cáo và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm ghi nhận sự thỏa thuận của ông bà theo quy định.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Ông Đ, bà S trình bày và giữ nguyên thỏa thuận: Ông Đ được sở hữu, quản lý, sử dụng toàn bộ tài sản mà bản án sơ thẩm đã tuyên giao cho bà S (Bất động sản và khoản tiền tiết kiệm 200 triệu đồng); ông Đ có trách nhiệm trả bà S 800.000.000đ; bà S đã nhận đủ 800.000.000đ và không yêu cầu giải quyết gì thêm về tài sản; đề nghị Tòa án công nhận sự thỏa thuận của hai ông bà. Ngoài ra, ông Đ còn trình bày trước đây do không hiểu pháp luật nên sau khi thỏa thuận với bà S ông đã làm đơn rút kháng cáo; nay ông không rút kháng

cáo nữa mà thay đổi nội dung kháng cáo theo hướng đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm ghi nhận sự thỏa thuận theo quy định.

Đại diện VKSND tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và những người tiến hành tố tụng; việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng. Trình bày và giữ nguyên nội dung kháng nghị của Viện trưởng VKSND tỉnh Hải Dương; đề nghị Hội đồng xét xử (viết tắt: HĐXX), áp dụng: điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Điều 300, khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự sửa bản án sơ thẩm theo hướng công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về quan hệ tài sản và tuyên miễn nộp toàn bộ các loại án phí cho bà S, ông Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và xem xét ý kiến của Viện kiểm sát; ý kiến của nguyên đơn, bị đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Đ làm đơn kháng cáo trong thời gian luật định đã nộp tạm ứng án phí là kháng cáo hợp lệ.

[2] Về nội dung: Sau khi xét xử sơ thẩm ông Đ kháng cáo đề nghị chia lại tài sản, sau đó ông bà đã tự thỏa thuận phân chia tài sản theo hướng ông Đ trả bà S 800.000.000 đồng và được sở hữu sử dụng phần tài sản mà bản án sơ thẩm đã tuyên giao cho bà trị giá hơn 900 triệu. Hai ông bà đã lập thành văn bản. Tại phiên tòa phúc thẩm ông bà tiếp tục giữ nguyên nội dung đã thỏa thuận và đề nghị tòa án ghi nhận thỏa thuận đó của ông bà. Xét thỏa thuận là tự nguyện, không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức của xã hội và phù hợp pháp luật. Căn cứ Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX chấp nhận sự thỏa thuận của ông Đ, bà S, sửa bản án sơ thẩm để công nhận thỏa thuận của ông bà.

[3] Xét kháng nghị của VKSND tỉnh Hải Dương liên quan đến án phí: Ông Đ sinh năm 1956, bà S sinh năm 1954. Tại thời điểm thụ lý vụ án, cả hai ông bà đều là người cao tuổi theo quy định tại Điều 2 Luật người cao tuổi. Theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí tòa án thì ông bà thuộc trường hợp được miễn nộp toàn bộ án phí. Tòa án cấp sơ thẩm yêu cầu nộp tạm ứng án phí và buộc nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí là không đúng. Do vậy kháng nghị của viện trưởng VKSND tỉnh Hải Dương là có căn cứ, cần được chấp nhận.

Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, cấp phúc thẩm không xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng VKSND tỉnh Hải Dương và ghi nhận sự thỏa thuận của Nguyên đơn, Bị đơn về quan hệ tài sản; sửa bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 09/2017/HNGĐ-ST ngày 28/4/2017 của TAND huyện Gia Lộc về quan hệ tài sản và án phí, cụ thể như sau:

1. Áp dụng: Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Xác nhận khối tài sản chung của bà Mai Thị S và ông Đinh Công Đ, gồm: 176m² đất ở, tại thửa đất số 224, tờ bản đồ số 2; địa chỉ: thôn A, xã L, huyện G, tỉnh Hải Dương trị giá 510.400.000 đồng; bất động sản trên đất: Nhà mái bằng 2 tầng, công trình phụ khép kín trị giá 509.153.000đồng; 16,2m² gian nhà phụ trị giá 28.233.000đồng; 46,2m² gian lợp tôn trị giá 14.062.000đồng; 01 bộ bàn ghế đi văng trị giá 15.000.000đồng và 844 triệu đồng (bao gồm cả 200.000.000đ gửi tiết kiệm) ông Đ quản lý. Tổng trị giá là 1.920.848.000đồng.

- Công nhận thỏa thuận của ông Đinh Công Đ và bà Mai Thị S: Giao cho ông Đinh Công Đ được sở hữu và sử dụng toàn bộ tài sản chung trị giá 1.920.848.000đồng như đã nêu trên (Tài sản ông Đ đang quản lý). Ông Đinh Công Đ phải trả cho bà Mai Thị S 800.000.000đ (tám trăm triệu đồng); xác nhận ông Đ, bà S đã thực hiện giao nhận xong thỏa thuận vào ngày 17/5/2017.

2. Tạm giao cho ông Đ quản lý sử dụng diện tích 44m² đất lấn chiếm (trong đó có 21m² đất hành lang giao thông và 23 m² đất giáp ao tập thể). Khi nào UBND xã L có nhu cầu lấy lại, ông Đ phải tự phá dỡ công trình xây dựng trên đất lấn chiếm của tập thể để trả lại đất cho UBND xã L.

3. Miễn nộp toàn bộ tiền án phí cho bà Mai Thị S, ông Đinh Công Đ.

Hoàn trả bà S 200.000 đồng tạm ứng án phí ly hôn đã nộp theo biên lai số 007992 ngày 01/11/2016 và 6.500.000 đồng tạm ứng án phí chia tài sản theo biên lai số 007993 ngày 01/11/2016 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Gia Lộc. Hoàn trả ông Đ 300.000đ tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số AB/2014/0003417 ngày 9/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lộc.

Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị,

đã có hiệu lực kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (04/8/2017).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- TAND huyện Gia Lộc;
- Chi cục THADS huyện Gia Lộc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

Nguyễn Mạnh Cường